

Số: 36/2023/QĐST-DS

Thuận Nam, ngày 22 tháng 12 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 61/2022/TLST- DS ngày 13 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Như T - sinh năm: 1982; địa chỉ: Khu phố 7, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Trần Đăng K - Luật sư Văn phòng luật sư T - Đoàn luật sư tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T1 - sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Như N - sinh năm: 1981; địa chỉ: địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Ngọc:

Ông Trần Đăng K - sinh năm 1988; trú tại: Thôn Q, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Bà Nguyễn Thị Như H - sinh năm: 1984; địa chỉ: Khu phố 02, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Ông Nguyễn Đức T2 - sinh năm 1974; địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc S - sinh năm 1954, bà Phạm Thị N - sinh năm 1952; cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Như T và người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Như N và bà Nguyễn Thị Ngọc T1 thống nhất:

- Diện tích đất của ông Nguyễn Ngọc S, bà Phạm Thị N nằm trong diện tích đất mua chung với bà Cao Thị N (N), hiện đã tặng cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Đức T2 là 2.130m² gồm các thửa: Thửa 706 diện tích 1.596m², thửa 707 diện tích 300m² và thửa 708 diện tích 234m² thể hiện tại Trích lục số 567/2023 ngày 05/5/2023 và Trích lục số 808/2023 ngày 15/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - chi nhánh Thuận Nam; tương ứng một phần thửa đất 611 và một phần thửa đất 612 đã được UBND huyện Ninh Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00093 và H00094 cùng ngày 11/5/2005 (có trích lục kèm theo). Hiện trạng đất trống, không ai sử dụng. Bà Nguyễn Thị Như T và người đại diện theo uỷ quyền của bà Nguyễn Thị Như N thống nhất giao trả lại quyền sử dụng diện tích đất trên (2.130m²) cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Đức T2.

- Diện tích đất của bà Cao Thị N (N) hiện do các đồng thừa kế của bà N đang quản lý, gồm: Bà Nguyễn Thị Như T, bà Nguyễn Thị Như N và bà Nguyễn Thị Như H là 4.259m² (*đã bao gồm diện tích đất 514m² bị thu hồi thực hiện dự án nước sinh hoạt*), gồm các thửa: Thửa 699 diện tích 1.188m², thửa 700 diện tích 319m², thửa 701 diện tích 1838m², thửa 702 diện tích 301m², thửa 703 diện tích 295m², thửa 704 diện tích 186m² và thửa 705 diện tích 102m², thể hiện tại Trích lục số 567/2023 ngày 05/5/2023 và Trích lục số 808/2023 ngày 15/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - chi nhánh Thuận Nam, tương ứng một phần thửa 611 và một phần thửa 612 đã được UBND huyện Ninh Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00093 và H00094 cùng ngày 11/5/2005, thửa đất 557 đã được UBND huyện Ninh Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00095 ngày 11/5/2005 và thửa đất 563 đã được UBND huyện Ninh Phước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00096 ngày 11/5/2005 (có trích lục kèm theo). Hiện trạng đất trống, không ai sử dụng.

- Về số tiền bồi thường diện tích đất 514m² tại quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 28/11/2007 và quyết định số 4122/QĐ-UBND ngày 08/7/2008 của UBND huyện Ninh Phước và UBND tỉnh Ninh Thuận do bà Nguyễn Thị Ngọc T1 nhận; bà T1 thống nhất hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Như T và các đồng thừa kế số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Về chi phí định giá tài sản: Số tiền đã chi phí định giá 8.997.000đ do bà Nguyễn Thị Như T tạm ứng; bà Nguyễn Thị Như T chịu 5.998.000đ, vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Đức T1 chịu 2.999.000đ. Vợ chồng bà T1, ông T2 hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Như T số tiền chi phí định giá tài sản 2.999.000đ bà T đã tạm ứng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị Như T chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại biên lai thu án phí, lệ phí toà án số 0001447 ngày 13/10/2022 của chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Như T số tiền 150.000đ tạm ứng án phí còn lại theo biên lai trên.

+ Vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc T1 chịu 250.000đ án phí dân sự sơ thẩm về phần hoàn trả tài sản.

- Bà Nguyễn Thị Như T và các đồng thừa kế là bà Nguyễn Thị Như N, bà Nguyễn Thị Như H thống nhất liên hệ cơ quan có thẩm quyền thực hiện các thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị Ngọc T1, ông Nguyễn Đức T2 theo quy định của Luật đất đai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã Ký

Nguyễn Thị Thức